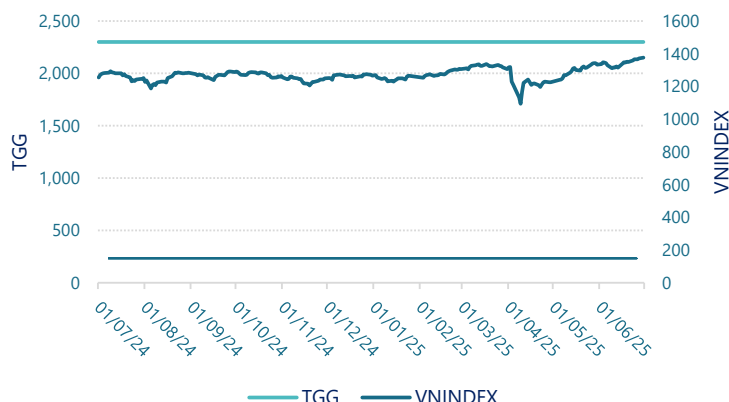


CTCP The Golden Group (UPCOM: TGG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	27,299,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
P/E	-14.4
EPS	-160

DT thuần

Q2/25

99.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.1| -10.0%

YoY: ▼17.1| -14.6%

LN sau thuế

Q2/25

-2.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.16| 6.7%

YoY: ▼0.37| -20.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.8%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

6T 2025

211

tỷ VNĐ

YoY: ▼71.0| -25.2%

LN sau thuế

6T 2025

-4.52

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.3| 73.1%

ROE

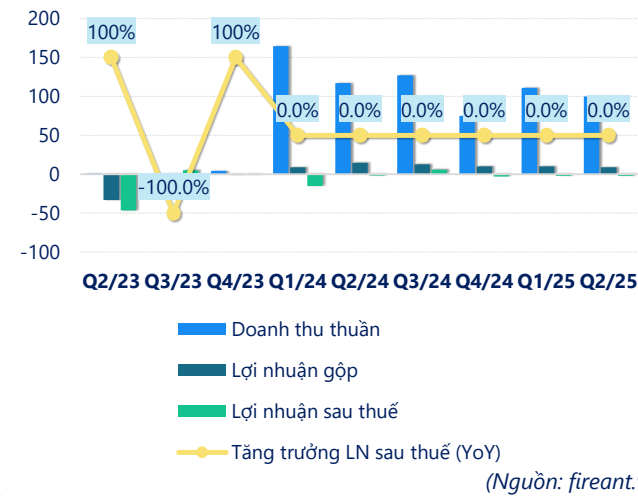
Q2/25

-3.1%

+/- YoY: ▼ 11.2%

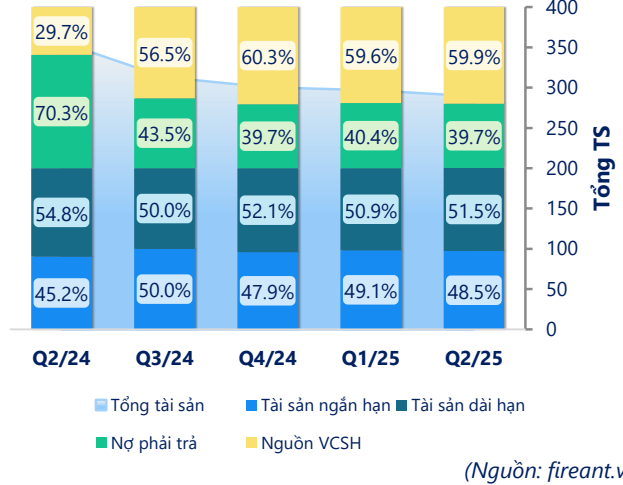
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

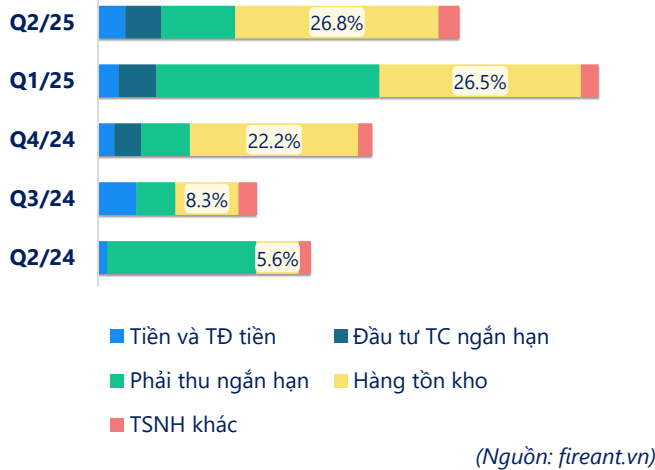


Cơ cấu Tổng tài sản

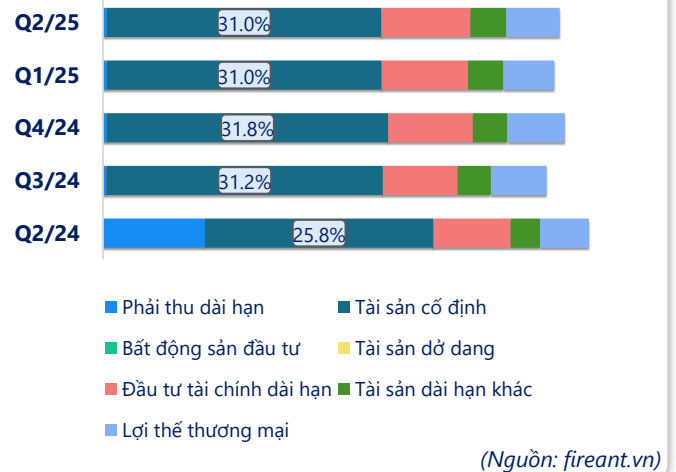
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

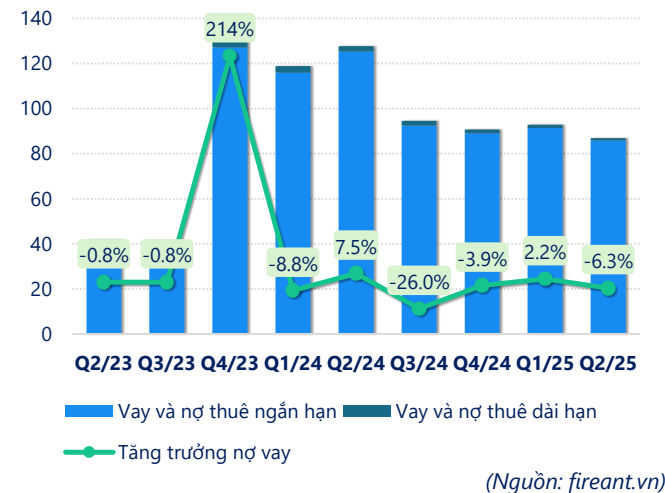


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



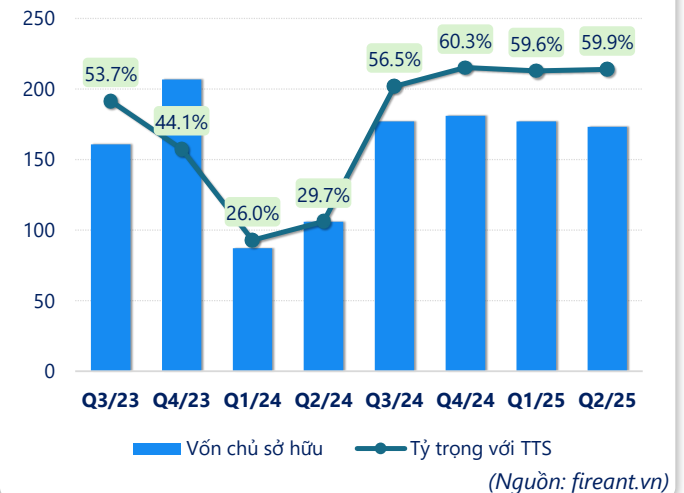
tỷ VNĐ

Nợ vay

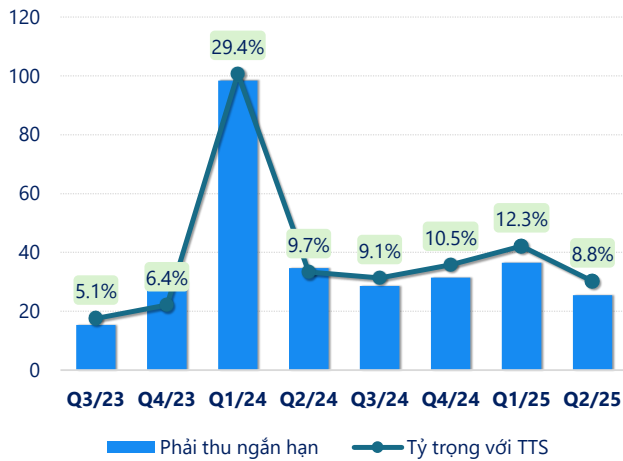


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

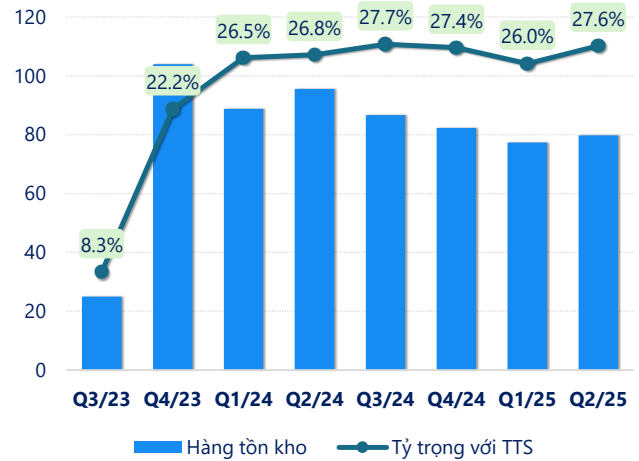


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


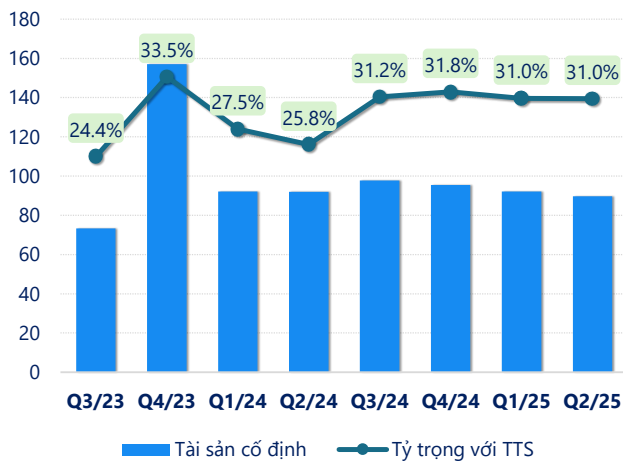
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


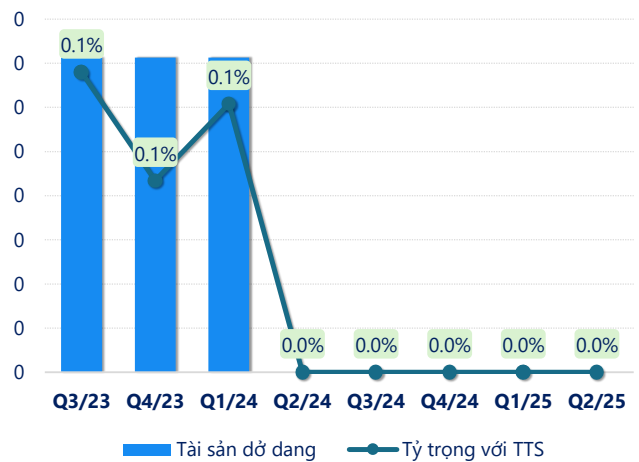
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

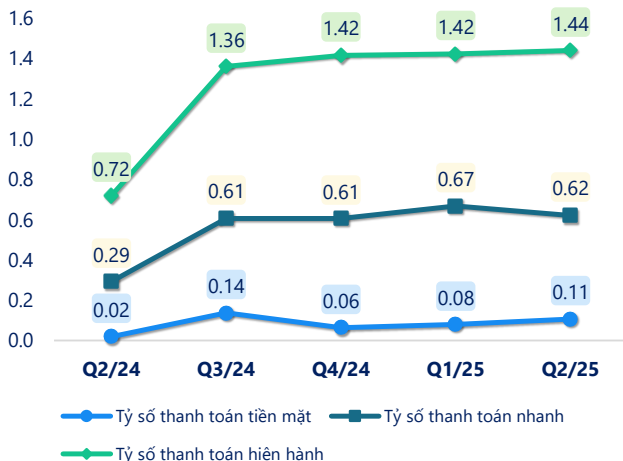
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

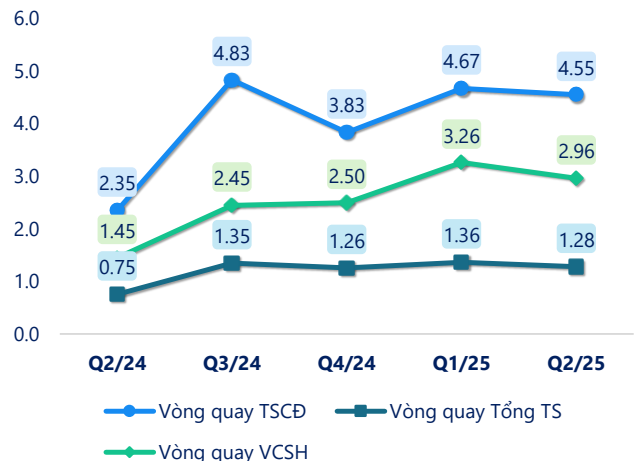
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	357	313	301	297	289
Tài sản ngắn hạn	161	156	144	146	140
Tiền và tương đương tiền	4.25	15.8	6.42	8.10	10.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.8	16.8	17.2	17.2	17.5
Phải thu ngắn hạn	34.7	28.6	31.4	36.5	25.5
Hàng tồn kho	95.6	86.7	82.4	77.3	79.7
Tài sản ngắn hạn khác	9.79	8.50	6.54	6.55	7.11
Tài sản dài hạn	195	157	157	151	149
Phải thu dài hạn	41.0	1.24	1.26	1.30	1.27
Tài sản cố định	91.9	97.7	95.5	92.1	89.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	31.0	26.4	28.6	28.9	29.0
Tài sản dài hạn khác	11.9	11.8	11.7	11.9	11.7
Lợi thế thương mại	19.6	19.6	19.5	17.0	17.4
Nợ phải trả	251	136	119	120	115
Nợ ngắn hạn	224	115	102	102	97.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	125	92.4	89.0	91.4	85.9
Phải trả người bán ngắn hạn	81.5	14.5	5.26	5.76	4.04
Nợ dài hạn	27.0	21.2	17.8	17.6	17.5
Vay và nợ thuê dài hạn	2.45	2.10	1.75	1.40	1.05
Nguồn vốn chủ sở hữu	106	177	181	177	173
Vốn chủ sở hữu	106	177	181	177	173
Vốn điều lệ	273	273	273	273	273
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)